TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 101/2024/HNGĐ-ST Ngày: 16-9-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần

Ông Nguyễn Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị L, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* ông Trịnh Đình H, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: nhà trọ Kim A, tổ D, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Bà Lê Thị L và ông Trịnh Đình H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 20/3/2013.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông H không lo làm ăn chăm lo cho gia đình vợ con mà thường xuyên uống rượu bia và còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau khoảng 03 năm nay, mỗi người tự làm lo cho bản thân. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trịnh Đình H.

Về con chung: bà Lê Thị L và ông Trịnh Đình H có 03 con chung là Trịnh Thị Ngọc T, sinh ngày 10/12/2013, Trịnh Thị Ngọc A1, sinh ngày 14/8/2020 và Trịnh Thị Ngọc H1, sinh ngày 30/10/2022. Bà Lê Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông Trịnh Đình H cấp dưỡng nuôi con. Bà L hiện đang trực tiếp nuôi 03 con chung tại tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà L hiện đang thuê đất trồng rau màu tại phường T, thu nhập hàng tháng khoảng 20 triệu đồng và có nơi ở ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trịnh Đình H nhưng ông H không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trịnh Đình H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Đình H. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông H đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/3/2013, bà Lê Thị L và ông Trịnh Đình H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Xét thấy, bà L xác định hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông H không lo làm ăn chăm lo cho gia đình vợ con mà thường xuyên uống rượu bia và còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau khoảng 03 năm nay, mỗi người tự làm lo cho bản thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông H nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông H cũng không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông H có 03 con chung là Trịnh Thị Ngọc T, sinh ngày 10/12/2013, Trịnh Thị Ngọc A1, sinh ngày 14/8/2020 và Trịnh Thị Ngọc H1, sinh ngày 30/10/2022. Bà L có yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con. Hiện nay, 03 con đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L có công việc, nơi ở ổn định, ông H cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, việc để bà L được trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà Lê Thị L phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn ông Trịnh Đình H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Trịnh Đình H.

1.2. Về con chung: Giao 03 con chung là Trịnh Thị Ngọc T, sinh ngày 10/12/2013, Trịnh Thị Ngọc A1, sinh ngày 14/8/2020 và Trịnh Thị Ngọc H1, sinh ngày 30/10/2022 cho bà Lê Thị L được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Lê Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001276 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;

- UBND xã Xuân Hoà, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung